ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 416 /BC-UBND	*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 10 năm 2021*

BÁO CÁO
Thông tin, số liệu tài nguyên nước tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 – 2020

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Tiếp nhận Công văn số 3766/BTNMT-TNN ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuẩn bị thông tin, số liệu lập báo cáo sử dụng tài nguyên nước quốc gia.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp báo cáo như sau:

1. Tổng quan điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có tác động tới khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước

a) Đánh giá tổng quan đặc điểm về địa hình, khí hậu

Tỉnh Đồng Tháp có địa hình khá bằng phẳng, nhất là vùng Đồng Tháp Mười. Tỉnh nằm trong vùng đồng bằng Châu Thổ với cao độ địa hình chênh lệch không lớn, trung bình khoảng 2 m. Đoạn sông Tiền chảy qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp dài 132km chia tỉnh thành 2 vùng lớn: vùng phía Bắc sông Tiền và vùng phía Nam sông Tiền.

- Vùng phía Bắc sông Tiền: có địa hình bằng phẳng với cao độ phổ biến từ 1,00 ÷ 2,00 mét, cao nhất là 4,10 mét, thấp nhất là 0,77 mét; hướng dốc Tây Bắc – Đông Nam, thuộc khu vực Đồng Tháp Mười (huyện Hồng Ngự, Tân Hồng, Tam Nông, Thanh Bình, Cao Lãnh, Tháp Mười và thành phố Cao Lãnh).

- Vùng phía Nam sông Tiền: nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, bao gồm: huyện Lấp Vò, Lai Vung, Châu Thành và thành phố Sa Đéc. Khu vực này có địa hình dạng lòng máng, hướng dốc từ hai bên sông vào giữa, cao độ phổ biến từ 0,8 - 1,0 m; cao nhất là 1,5 m; thấp nhất là 0,5 m; thường bị ngập nước vào mùa lũ hằng năm.

Tỉnh Đồng Tháp nhìn chung có địa hình trũng thấp, bao gồm 3 dạng:

- Đê tự nhiên ven sông Tiền và sông Hậu: hình thành do quá trình bồi tụ phù sa của sông Tiền và sông Hậu, tạo thành dãy đất cao và các cù lao dọc theo sông, thuộc các huyện Hồng Ngự, Thanh Bình, Tam Nông, huyện Cao Lãnh, thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và huyện Châu Thành.

- Bưng sau đê: đây là vùng trũng thoát nước kém, mạng lưới thoát nước hình nhánh cây. Bưng sau đê sông Tiền là phần diện tích nằm sau đê tự nhiên của sông Tiền, bưng sau đê của sông Hậu không rõ nét.

- Đồng trũng (đồng lũ kín): đồng trũng khu vực phía Bắc sông Tiền với địa hình dạng lòng chảo, thấp dần từ phía Bắc xuống phía Nam và từ sông Tiền vào nội đồng, chịu ảnh hưởng lũ trực tiếp hàng năm, thuộc các huyện nằm trong nội đồng vùng Đồng Tháp Mười; đồng trũng khu vực Nam sông Tiền (gồm các huyện Lai Vung, Lấp Vò, Châu Thành) có dạng lòng máng, địa hình thấp dần từ hai bờ sông vào bên trong.

Địa hình tỉnh Đồng Tháp ít có sự thay đổi, cao nhất là vùng đê tự nhiên ven sông Tiền và thấp dần về phía nội đồng, thể hiện rõ nhất ở khu vực phía Tây Bắc của tỉnh. Càng về phía Đông Nam, chênh lệch vi địa hình càng ít hơn, nhất là vùng giữa sông Tiền, sông Hậu. Địa hình bằng phẳng phù hợp cho việc triển khai các công trình phục vụ sản xuất, phát triển giao thông. Tuy nhiên, do địa bàn có nhiều kênh, rạch gây tốn kém nhiều chi phí đầu tư hạ tầng (cầu đường, hạ tầng giao thông,...) do nền đất yếu làm chi phí gia cố nền móng cao, đặc biệt đối với các công trình cao tầng.

Đồng Tháp nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, đồng nhất trên địa giới toàn tỉnh, có 2 mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Đặc điểm khí hậu này tương đối thuận lợi cho phát triển nông nghiệp toàn diện.

Căn cứ số liệu thống kê của Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp năm 2019, đặc điểm khí hậu trên địa bàn tỉnh được thể hiện như sau:

* *Nhiệt độ:* nhiệt độ trung bình tháng của tỉnh Đồng Tháp biến động từ 25,0 - 29,94^{o}C, chênh lệch nhiệt độ giữa các tháng không lớn (khoảng 4^{o}C). Tháng 4 có nhiệt độ trung bình cao nhất (hơn 29,1^{o}C). Tháng 1 có nhiệt độ trung bình thấp nhất (hơn 25,8^{o}C).

* *Số giờ nắng:* tương đối cao, bình quân năm khoảng 2.500 giờ/năm và khoảng 6,8 giờ/ngày và có khuynh hướng giảm dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Vào mùa khô, số giờ nắng là 7,6 - 9,1 giờ/ngày, mùa mưa là 5,1 - 7 giờ/ngày. Trung bình số giờ nắng trong tháng dao động từ 180-270 giờ/tháng.

* *Độ ẩm tương đối của không khí:* bình quân năm là 82 - 85% và thay đổi theo mùa. Mùa mưa độ ẩm không khí cao, đạt cực đại vào các tháng 6, 8 và 9. Mùa khô độ ẩm thấp và đạt trị số cực tiểu vào tháng 2, 3 và 12.

* *Lượng mưa:* lượng mưa trung bình qua các năm khoảng 1621,5 mm, thuộc loại trung bình ở đồng bằng sông Cửu Long. Lượng mưa phân bố không đồng đều theo các mùa trong năm. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11, chiếm 90 - 92% lượng mưa của cả năm và tập trung vào các tháng 9 và 10. Tuy nhiên trong mùa mưa thường có thời gian mưa ít vào khoảng cuối tháng 7 đến đầu tháng 8.

* *Độ ẩm:* theo số liệu quan trắc từ năm 2005 đến 2019, độ ẩm không khí trung bình dao động từ 81,1 - 86%. Trong đó, tháng 7 và 8 thường có độ ẩm cao trong năm.

* *Gió:* tỉnh Đồng Tháp có hai hướng gió chính là gió mùa Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4); gió mùa Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 10). Tốc độ gió nhìn chung không cao (trung bình năm là 1,0 - 1,5 m/s, trung bình lớn nhất 17 m/s). Do nằm sâu trong đất liền, hướng gió mạnh thường từ hướng Tây đến Tây Nam.

Tỉnh Đồng Tháp qua các năm không có các dạng khí hậu cực đoan, mặc dù ở một vài nơi có xuất hiện lốc xoáy, ngập lũ, sét đánh vào mùa mưa hoặc mưa trái mùa trên diện rộng, ảnh hưởng áp thấp nhiệt đới biển Đông gây mưa nhiều ngày.

b) Đánh giá tình hình phát triển, tỷ lệ tăng trưởng, định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực gắn với hoạt động khai thác, sử dụng nước và bảo vệ tài nguyên nước

Đồng Tháp là tỉnh có dân số đông ở khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Theo Niên giám thống kê tỉnh Đồng Tháp, năm 2019, dân số của tỉnh là 1.598.754 người, giảm 0,46% so với năm 2018, bao gồm: dân số nam là 798.855 người, chiếm 49,97% tổng dân số, giảm 0,44%; dân số nữ là 799.899 người, chiếm 50,03%, giảm 0,48%. Trong tổng dân số, khu vực thành thị có 304.711 người, chiếm 19,06%; khu vực nông thôn có 1.294.043 người, chiếm 80,94%. Tỷ lệ nam nữ tương đối bằng nhau.

Dân cư Đồng Tháp phân bố không đều, tập trung ở các khu đô thị như thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc; dân cư thưa thớt ở các huyện thượng nguồn sông Tiền và vùng Đồng Tháp Mười như huyện Tân Hồng, Tam Nông, Tháp Mười.

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh năm 2019 đạt 929.663 người, giảm 3,53% so với năm 2018, trong đó lao động nam là 515.696 người, chiếm 55,47%; lao động nữ là 413.967 người, chiếm 44,53%. Trong tổng số lực lượng lao động, khu vực thành thị là 169.000 người, chiếm 18,18%; khu vực nông thôn là 760.663 người, chiếm 81,82%.

Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong các ngành kinh tế năm 2019 là 918.076 người, giảm 2,78% so với năm 2018. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo năm 2019 đạt 13,45%, trong đó lao động đã qua đào tạo khu vực thành thị đạt 14,53%, khu vực nông thôn là 12,10%.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi là 1,28%, trong đó khu vực thành thị là 5,21%; khu vực nông thôn là 0,40%.

Đời sống của dân cư tiếp tục được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người một tháng theo giá hiện hành là 3.689 nghìn đồng, tăng 12,68% so với năm 2018. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều đã giảm từ 4,28% năm 2018 xuống còn 2,73% năm 2019.

c) Đánh giá tổng quan về xu hướng gia tăng, chuyển dịch dân số, chuyển dịch các ngành, lĩnh vực gắn với hoạt động khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước

Cùng với việc phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu sử dụng nước ngày càng gia tăng, gây áp lực lên các nguồn tài nguyên nước.

Với dân số năm 2019 so với năm 2018 giảm khoảng 0,46% thì nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt có giảm; tuy nhiên, với tình hình phát triển của Đồng Tháp theo cơ cấu kinh tế cho thấy đang tập trung đẩy mạnh các ngành dịch vụ (chiếm 45,23%) và tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản là 35,41%; ngành công nghiệp và xây dựng là 19,36% thì nhu cầu sử dụng nước cho phát triển kinh tế xã hội ngày càng cao.

Nhìn chung, điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội tỉnh Đồng Tháp thuận lợi cho việc khai thác nguồn nước mặt sử dụng cho tất cả các hoạt động (tùy lĩnh vực sử dụng nước mà áp dụng công nghệ xử lý phù hợp cho mục đích sử dụng).

Tuy nhiên, cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, việc bảo vệ nguồn nước, khai thác, sử dụng hợp lý, bền vững nguồn tài nguyên nước là rất cần thiết.

2. Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước

a) Tổng số lượng công trình khai thác nước mặt, nước dưới đất thuộc đối tượng phải có giấy phép hiện có và đã được quy hoạch theo các mục đích sử dụng (tưới, thủy điện và mục đích khác), theo loại hình công trình khai thác (hồ chứa, cống, trạm bơm, giếng khoan và loại hình công trình khác): *(Biểu mẫu số 09, 10 và 11 kèm theo Phụ lục).*

Tỉnh Đồng Tháp có sông Tiền và sông Hậu chảy qua, với nguồn nước khá dồi dào. Từ năm 2017, tỉnh Đồng Tháp đã định hướng chủ trương hạn chế khai thác nước dưới đất, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt cho các hoạt động. Do đó, từ năm 2017 đến nay số lượng công trình khai thác nước dưới đất (giếng khoan) không tăng, mà theo xu hướng giảm xuống do một số giếng sử dụng lâu năm, đã xuống cấp, hư hỏng, chất lượng nước không còn đảm bảo phải thực hiện quy trình trám lấp giếng khoan theo quy định.

b) Tổng lượng nước khai thác, sử dụng (quy mô) của các công trình đã được cấp giấy phép và phân loại theo mục đích (tưới, thủy điện và mục đích khác): (*Biểu mẫu số 12 kèm theo Phụ lục*).

c) Phân tích, đánh giá, nhận định các vấn đề liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước: chuyển nước lưu vực sông, vận hành các hồ chứa thủy điện, thủy lợi và các vấn đề khác có liên quan đến hoạt động khai thác, sử dụng nước, quản lý, vận hành công trình

Địa bàn tỉnh chưa có hoạt động nhân tạo chuyển nước lưu vực sông, nguồn nước chính trên sông Tiền và sông Hậu do ở thượng nguồn đổ về, ảnh hưởng rất lớn từ hoạt động sử dụng nước của các nước thượng nguồn và biến đổi khí hậu. Thời gian qua, lưu lượng nguồn nước sông Tiền và sông Hậu chảy qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp không ổn định, có xu hướng giảm dần, diễn biến bất thường, gây tác động đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

3. Ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước

Cùng với việc phát triển kinh tế, xã hội; tỉnh Đồng Tháp luôn quan tâm, chú trọng việc quản lý các nguồn xả thải phải được thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường nhằm hạn chế việc gây ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn được

thu gom, vận chuyển, xử lý, không xả vào các sông, kênh, rạch; nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định trước khi xả thải ra môi trường. Việc khai thác tài nguyên nước trên địa bàn được quản lý chặt chẽ, các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước thuộc quy mô phải có giấy phép đều thực hiện thủ tục và được cấp Giấy phép khai thác đúng theo quy định. Công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất được triển khai thường xuyên và hiệu quả đảm bảo công tác quản lý, giám sát tình hình khai thác, sử dụng nước, tình hình chấp hành các quy định của Giấy phép và các quy định có liên quan; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót. Vì vậy, chưa phát sinh các vấn đề ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

a) Các đặc trưng (lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình) của các chỉ tiêu cơ bản về chất lượng nước (trên cơ sở số liệu quan trắc tại các trạm quan trắc chất lượng nước mặt và các kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước đã thực hiện) của các dòng sông, đoạn sông, hồ chứa: (*(Biểu mẫu số 13 kèm theo Phụ lục).*

b) Các đặc trưng (lớn nhất, nhỏ nhất, trung bình) của các chỉ tiêu cơ bản về chất lượng nước (trên cơ sở số liệu quan trắc tại các trạm quan trắc chất lượng nước dưới đất và các kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước đã thực hiện) của các tầng chứa nước và phân tích, đánh giá sự biến động; phân tích, đánh giá được tổng quan hiện trạng, diễn biến tình hình ô nhiễm, xâm nhập mặn nguồn nước dưới đất: *(Biểu mẫu số 14 kèm theo Phụ lục).*

4. Quản lý tài nguyên nước

a) Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước: (*Biểu mẫu số 15 kèm theo Phụ lục*).

Hiện nay, tỉnh Đồng Tháp có 02 văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước còn hiệu lực, gồm có:

- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về quản lý cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Tháp về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về quản lý cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh Đồng Tháp.

b) Về hoạt động điều tra cơ bản

- Năm 2015 - 2016, địa phương đã thực hiện Đề án "Bảo vệ nước dưới đất tại thành phố Sa Đéc" trên cơ sở căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 18/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Bảo vệ nước dưới đất ở các đô thị lớn".

- Năm 2017 - 2018, địa phương thực hiện dự án "Xây dựng danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp" theo quy

định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Năm 2018 – 2019, thực hiện Đề án "Bảo vệ nước dưới đất tại thành phố Cao Lãnh và nâng cấp, cải tạo 04 Trạm quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh từ thủ công lên bán tự động" trên cơ sở căn cứ Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 18/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Bảo vệ nước dưới đất ở các đô thị lớn"; đồng thời nâng cấp các trạm quan trắc trên địa bàn.

- Năm 2019 – 2020, thực hiện Dự án "Lập danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và lập Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp" theo quy định tại Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

Kết quả của các Đề án, Dự án được áp dụng, làm cơ sở khoa học cho các ngành có liên quan sử dụng, phục vụ trong công tác cấp phép, quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

c) Về công tác lập quy hoạch tài nguyên nước

Các cơ sở dữ liệu, kết quả thực hiện của các dự án đã thực hiện giai đoạn trước vẫn còn áp dụng để tỉnh Đồng Tháp tiếp tục thực hiện như Dự án "Điều tra, đánh giá phân vùng xả thải nước thải vào nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp"; Dự án "Quy hoạch quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020"; Dự án "Quy hoạch khai thác và bảo vệ nước mặt sông Tiền và sông Hậu (đoạn ngang qua tỉnh Đồng Tháp) đến năm 2020, định hướng đến năm 2030".

d) Về công tác cấp phép

Với chủ trương hạn chế khai thác nước dưới đất, ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt cho các hoạt động; từ năm 2017 đến nay số lượng giấy phép thăm dò nước dưới đất, khai thác nước dưới đất không tăng; số lượng công trình khai thác nước mặt được đầu tư tăng lên nên số lượng giấy phép khai thác nước mặt cũng tăng lên (*Biểu mẫu số 16 kèm theo Phụ lục*).

đ) Về phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: (*Biểu mẫu số 17 kèm theo Phụ lục*)

e) Về công tác lập hành lang bảo vệ nguồn nước

Dự án "Xây dựng danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp" theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định về lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước đã được thực hiện vào năm 2018, kết quả thể hiện tại Quyết định số 895/QĐ-UBND.HC ngày 03/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (*kèm theo Quyết định*).

g) Về công tác điều tra, đánh giá, phê duyệt và công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa: chưa có.

h) Về công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên nước: (*Biểu mẫu số 19 kèm theo Phụ lục*).

i) Tổng hợp, phân tích, đánh giá về đầu tư công cho công tác quản lý tài nguyên nước: tỉnh Đồng Tháp đầu tư kinh phí để thực hiện các dự án, đề án lĩnh vực tài nguyên nước, làm cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý cụ thể trong công tác quản lý, cấp phép tài nguyên nước. Tuy nhiên, nguồn kinh phí địa phương còn hạn chế, nên chưa thực hiện đầy đủ tất cả các chương trình, dự án, đề án; mà tiến hành phân bổ thực hiện có chọn lọc, đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

5. Đề xuất, kiến nghị

a) Một số nội dung cần tập trung xử lý, giải quyết trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và phòng, chống tác hại do nước gây ra

Tỉnh Đồng Tháp đang ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt, khi đó các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn ngày càng tăng sẽ gây áp lực lên chất lượng nguồn nước; các chất thải chưa qua xử lý, đặc biệt là nước thải sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt. Do đó, song song với việc thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư để phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh, thì vấn đề xử lý ô nhiễm, bảo vệ nguồn nước phải đặt lên hàng đầu.

Nguồn nước sông Tiền và sông Hậu chảy ngang qua tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc xuyên biên giới từ thượng nguồn sông Mê Công chảy về, nên tính chủ động về lưu lượng, chất lượng nước bị hạn chế, từ đó ảnh hưởng đến các hoạt động liên quan như nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản,… Đặc biệt, việc xây dựng ngày càng nhiều các đập thủy điện trên thượng lưu sông Mê Công phần nào làm tăng mức độ ảnh hưởng tiêu cực đến vùng hạ lưu. Trong đó, vùng Đồng bằng sông Cửu Long bị ảnh hưởng nặng nề nhất; tác động dễ nhận thấy trước mắt là sản xuất nông nghiệp và ngành nghề thủy sản của nông dân bị thiệt hại lớn (do lượng phù sa, thủy sản theo nguồn nước đổ về hạ nguồn ngày càng ít đi); lượng dòng chảy trên sông giảm sẽ làm xâm nhập mặn ngày càng lấn vào sâu trên sông Tiền và sông Hậu; kết hợp với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sụt lún đất sẽ xảy ra nhanh hơn và ngày càng nặng nề hơn (chủ yếu là do thiếu nguồn nước và phù sa từ thượng nguồn sông Mê Công chảy về).

b) Các giải pháp tổng thể trước mắt, lâu dài để đảm bảo khai thác, sử dụng tài nguyên nước bền vững và quản lý tài nguyên nước hiệu quả

Trong trường hợp chưa tác động được các nước ở thượng nguồn tạm dừng hoặc giảm xây dựng các đập thủy điện trên dòng chính của sông Mê Công, đặc biệt là Lào và Campuchia: Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp kiến nghị Ủy ban sông Mê Công Việt Nam kiến nghị đến Ủy hội Sông Mê Công Quốc tế đề nghị các chủ đầu tư Dự án thủy điện trong tiến trình thực hiện Dự án phải chú trọng việc giải quyết tốt các yếu tố ảnh hưởng đến hạ lưu sông Mê Công; tính toán, dự báo các kịch bản của sự ảnh hưởng khi có đập thủy điện hoạt động, trong đó phân tích, đánh giá, dự báo theo các kịch bản với các nguy cơ cao có thể xảy ra; đề xuất cụ thể biện pháp giải quyết, xử lý; bao gồm cả tác động xuyên biên giới, trong bối cảnh tác động tổng thể của toàn bộ bậc thang thủy điện; làm rõ được các tác động tích lũy của bậc thang thủy điện trên dòng chính sông Mê Công; kể cả việc vận hành hệ thống thủy điện ở thượng lưu của Trung Quốc. Cần có sự

tham vấn cộng đồng một cách đầy đủ, toàn diện; xây dựng kênh thông tin để thu thập thông tin rộng rãi từ nhiều nguồn; cần có đánh giá rõ mức độ ảnh hưởng khi có công trình thủy điện hoạt động, có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ người dân phía hạ nguồn, nhất là vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Việt Nam. Trong thiết kế cần chú trọng đến Hệ thống quan trắc chất lượng nước và hệ sinh thái thủy sinh; việc vận hành và quản lý phù sa bùn cát, an toàn đập,...

Trên đây là Báo cáo thông tin, số liệu tài nguyên nước tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 – 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp kính gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- STNMT;
- Lưu: VT, NC/KT.lgv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn